

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI CHO DOANH NGHIỆP

**Phạm Thế Dũng<sup>1</sup>**

Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ

---

### **Tóm tắt:**

Chỉ số đổi mới của Việt Nam trong những năm qua đã có những bước tăng trưởng, tuy nhiên, để có thể hội nhập và so sánh với quốc tế thì chỉ số này vẫn còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân của hạn chế đó là chỉ số về hoạt động đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam còn thấp, vì vậy, trong bài viết này đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp Việt Nam thông qua việc nghiên cứu, so sánh hoạt động đổi mới của Việt Nam với một số quốc gia. Nâng cao chỉ số đổi mới nói chung và hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp nói riêng đó là giải pháp để doanh nghiệp có thể cạnh tranh và hội nhập, đồng thời, góp phần thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Hoạt động đổi mới; Doanh nghiệp.

**Mã số:** 18031901

### **1. Mở đầu**

Ngày nay, với xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa việc đánh giá, so sánh giữa các quốc gia, khu vực trên thế giới, trong các ngành, lĩnh vực khác nhau của một nền kinh tế, các tổ chức quốc tế thường thông qua việc đo lường thống kê hay sử dụng các chỉ số tổng hợp để đánh giá, so sánh và xếp hạng giữa các quốc gia, khu vực hoặc các ngành, lĩnh vực, ví dụ: Lĩnh vực kinh tế có Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu - GCI; trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới có các Chỉ số Đổi mới toàn cầu - GII, Chỉ số Đổi mới của Liên minh Châu Âu SII,... Trong những năm qua, với các chính sách đổi mới trong phát triển kinh tế-xã hội, kinh tế của Việt Nam từng bước tăng trưởng, trong đó hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới cũng có những bước tiến nhất định, góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội. Trong giai đoạn 2013-2017, chỉ số đổi mới của Việt Nam có xu hướng tăng nhưng vẫn còn

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: dungpthe@gmail.com

thấp so với các nước trong khu vực châu Á. Năm 2017, chỉ số GII của Việt Nam đạt 38,34/100 xếp hạng 47 trong tổng số 127 quốc gia, vùng lãnh thổ, đứng thứ 9 châu Á và thứ 3 của khu vực Đông Nam Á; nếu so sánh với quốc gia đứng đầu khu vực là Singapore, đạt 58,69/100 (xếp thứ 7) thì khoảng cách chỉ số GII của Việt Nam còn khá cách xa (kém 20,35 điểm và 40 bậc). Chỉ số đổi mới bao gồm 80 chỉ số thành phần, trong đó có những chỉ số thành phần thể hiện hoạt động đổi mới của doanh nghiệp; qua kết quả xếp hạng GII năm 2017 cho thấy, đa số các chỉ số này có xếp hạng thấp hơn so với chỉ số chung GII. Muốn tăng chỉ số GII thì phải tăng đồng bộ các chỉ số thành phần, nhưng trước hết cần tăng cường các chỉ số thành phần còn thấp, trong đó có chỉ số thể hiện hoạt động đổi mới của doanh nghiệp. Vì vậy, trong bài viết này chỉ đề cập đến giải pháp về phía cơ quan quản lý làm thế nào để nâng cao hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp. Để đề xuất được giải pháp nâng cao hoạt động đổi mới cho doanh nghiệp, bài viết tập trung nghiên cứu, tìm hiểu kết quả hoạt động đổi mới của một số quốc gia trên thế giới để so sánh với Việt Nam, thông qua việc tổng hợp báo cáo đã có và đặc biệt là kết quả điều tra, khảo sát 800 doanh nghiệp thuộc 08 ngành chế biến, chế tạo của 06 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tại ba miền Bắc, Trung và Nam (Phạm Thế Dũng, 2017).

## 2. Một số khái niệm

### 2.1. Khái niệm về Đổi mới

- Theo Joseph Schumpeter: Khái niệm đổi mới được xuất hiện từ đầu thế kỷ XX, tuy nhiên, phải đến Joseph Schumpeter, nhà kinh tế học, xã hội học người Áo (1883-1950), khái niệm đổi mới được phân tích một cách có hệ thống. Schumpeter (1934) đưa ra khái niệm đổi mới và phân chia đổi mới thành năm loại, bao gồm: (i) Đưa ra sản phẩm mới; (ii) Đưa ra các phương pháp sản xuất mới; (iii) Mở ra thị trường mới; (iv) Phát triển các nguồn mới cung cấp vật liệu thô hay các loại đầu vào mới khác; (v) Tạo ra cấu trúc thị trường mới trong một ngành. Như vậy Schumpeter đã đặt nền móng cho một ngành khoa học nghiên cứu về đổi mới, một lĩnh vực đã và đang phát triển rực rỡ cho đến ngày nay.
- Theo Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD, 2005), đổi mới được định nghĩa là việc đưa ra một sản phẩm (hàng hóa hoặc dịch vụ) mới hoặc một sản phẩm được cải tiến đáng kể, hoặc đưa ra và thực hiện qui

trình công nghệ mới, phương pháp tiếp thị mới, một phương pháp tổ chức mới trong hoạt động kinh doanh, trong tổ chức nơi làm việc hoặc trong quan hệ với bên ngoài. Có bốn loại đổi mới: (i) Đổi mới sản phẩm; (ii) Đổi mới quy trình; (iii) Đổi mới cách tiếp thị; (iv) Đổi mới cách tổ chức. Tính mới bao gồm: mới với doanh nghiệp, mới với thị trường và mới với thế giới. Khái niệm đổi mới của OECD đến nay được nhiều nước trên thế giới áp dụng và triển khai.

- Theo Luật KH&CN Việt Nam năm 2013, đổi mới là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

## 2.2. Chỉ số đổi mới toàn cầu - GII

Chỉ số đổi mới toàn cầu được xây dựng bởi Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO, Đại học Cornell (Hoa Kỳ) và Học viện Kinh doanh INSEAD (Pháp) hợp tác thực hiện và được công bố hàng năm, bắt đầu từ năm 2007 nhằm đánh giá năng lực và kết quả đổi mới của các nền kinh tế thế giới. Chỉ số GII của Việt Nam giai đoạn 2013-2017 được thể hiện trong Bảng 1.

**Bảng 1.** Chỉ số GII của Việt Nam giai đoạn 2013-2017

TT	Năm	Điểm	Xếp hạng toàn cầu	Quốc gia xếp hạng	Xếp hạng Đông Nam Á
1	2013	34,8	76	142	4
2	2014	34,8	71	143	4
3	2015	38,3	52	141	4
4	2016	35,4	59	128	4
5	2017	38,3	47	127	3

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo *The Global Innovationindex (2013-2017)*.

Chỉ số GII của Việt Nam năm 2017 xếp thứ 47/127 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong số bảy trụ cột của chỉ số này thì nhóm trụ cột số năm: Trình độ phát triển kinh doanh của Việt Nam xếp thứ 73/127 là khá thấp so với chỉ số GII chung, trụ cột này có chỉ số thành phần thể hiện hoạt động đổi mới của doanh nghiệp khá thấp, Bảng 2 bên dưới cho biết chỉ số thành phần thể hiện hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp có thứ hạng thấp trong số các chỉ số thành phần của GII.

**Bảng 2.** Chỉ số thể hiện hoạt động đổi mới doanh nghiệp Việt Nam thứ hạng thấp

Mã số	Tên chỉ số	Thứ hạng		
		2015	2016	2017
5.1.1	Việc làm trong các ngành dịch vụ thâm dụng tri thức (% tổng việc làm)	101	94	94
5.1.3	Chi phí R&D do doanh nghiệp thực hiện (% GDP)	71	68	52
5.2.1	Hợp tác đại học - doanh nghiệp	89	86	76
5.2.3	Chi phí R&D được tài trợ từ nước ngoài (% tổng chi cho R&D)	71	72	82
5.2.5	Số lượng đơn sáng chế nộp tại 2 văn phòng (trên 1 tỷ \$PPP GDP)	96	90	96
5.3.5	Số nhân viên nghiên cứu trong doanh nghiệp (đơn vị %, tính theo FTE, tính trên 1.000 dân)	Không có	Không có	55

Nguồn: *The Global Innovation Index 2017 Innovation Feeding the World*

### 3. Hoạt động đổi mới của doanh nghiệp

#### 3.1. Hoạt động đổi mới của một số quốc gia

(1) *Hoạt động đổi mới của quốc gia có thu nhập trung bình và thấp.* Viện Thống kê của Tổ chức Văn hóa, Giáo dục và Khoa học của Liên Hợp quốc - UNESCO Institute for Statistics (UIS) tổng hợp dữ liệu đổi mới trong doanh nghiệp của các quốc gia trên thế giới, bao gồm nhóm quốc gia có thu nhập cao, nhóm quốc gia có thu nhập trung bình và thấp. Bảng 3 bên dưới (*UNESCO Institute for Statistics, 2017*) là tỷ lệ phần trăm của hoạt động đổi mới doanh nghiệp sản xuất các quốc gia có thu nhập trung bình và thấp.

**Bảng 3.** Hoạt động đổi mới của quốc gia có thu nhập trung bình và thấp năm 2015

Quốc gia	Tự nghiên cứu phát triển	Thuê bên ngoài R&D	Thu nhập máy móc, thiết bị và phần mềm	Thu nhập tri thức bên ngoài	Đào tạo	Giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường	Các chuẩn bị khác
Argentina	66,1	16,8	80,3	14,7	51,8	:	51,4
Azerbaijan	88,9	:	66,7	:	:	:	:
Belarus	12,7	16,0	58,5	2,2	10,8	10,3	62,9

Quốc gia	Tự nghiên cứu phát triển	Thuê bên ngoài R&D	Thu nhập máy móc, thiết bị và phần mềm	Thu nhập tri thức bên ngoài	Đào tạo	Giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường	Các chuẩn bị khác
Brazil	17,3	7,1	84,9	15,6	62,8	33,7	33,8
Bulgaria	:	6,4	66,8	15,8	32,9	23,3	31,4
China	58,9	12,2	57,8	4,8	43,5	23,4	27,7
Colombia	23,6	6,3	70,7	27,6	17,7	18,9	16,9
Costa Rica	76,2	28,3	82,6	38,9	81,2	:	75,9
Cuba	9,8	41,3	90,2	36,6	22,1	83,8	11,9
Ecuador	34,8	10,6	74,5	27,0	33,7	10,6	10,1
Ai Cập	29,7	6,7	80,8	35,0	74,9	47,2	94,4
El Salvador	41,6	6,7	:	:	:	82,7	:
Ethiopia	19,2	8,8	94,8	31,7	44,9	38,6	17,1
Ghana	49,6	23,7	75,9	36,6	80,4	59,8	45,5
Ấn Độ	35,5	11,4	67,6	16,1	39,2	16,7	14,8
Indonesia	58,4	6,2	47,8	27,0	46,5	59,3	94,2
Kazakhstan	37,1	13,3	62,1	17,1	21,2	26,1	48,6
Kenya	57,9	31,4	69,3	41,4	82,1	61,4	55,7
Malaysia	44,6	-	52,2	23,0	48,6	42,0	67,6
Mexico	74,5	25,5	:	:	:	69,0	:
Morocco	60,3	39,7	:	:	:	:	:
Nigeria	48,8	30,7	82,9	51,7	81,2	61,0	40,5
Panama	69,6	17,4	56,5	:	15,2	:	26,1
Romania	23,0	:	70,9	8,7	23,0	21,2	30,3
LB Nga	50,1	22,6	94,6	10,7	19,3	74,5	24,4
Serbia	42,9	19,8	64,3	15,7	47,8	52,0	34,0
Nam Phi	54,1	22,4	71,2	24,8	69,6	42,6	47,7
Macedonia	34,1	13,4	74,0	28,6	49,9	37,0	54,2
Thổ Nhĩ Kỳ	44,4	18,5	76,5	26,6	34,3	43,9	41,3
Uganda	60,1	34,5	68,5	39,9	73,7	56,0	41,5
Ukraine	16,7	7,6	73,1	8,2	21,4	12,1	24,3
Tanzania	39,3	27,4	79,8	51,2	96,4	64,3	53,6

Nguồn: 2015 UIS innovation data collection, Eurostat and AU/NEPAD.

Từ Bảng 3 cho biết trung bình tỷ lệ phần trăm doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm mới ra thị trường là 43,8, đặc biệt, một số quốc gia có hoạt động đổi mới cao trên 50% như: Cu Ba: 83,8%; Salvado: 82,7%; Nga: 74,5%; Mexico: 69%; Tanzania: 64,3%; Kenya: 62,4%; Nigeria: 61%; Indonesia: 59,3%;...

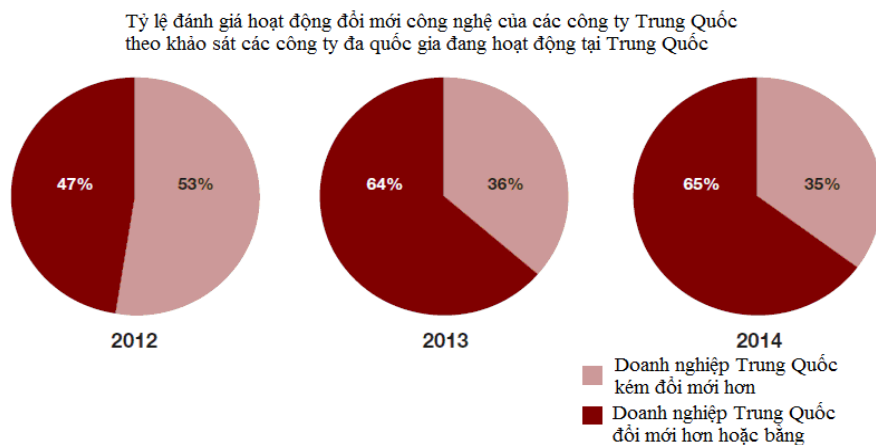
(2) *Hoạt động đổi mới của Malaysia*: chủ trì đánh giá là Trung tâm Thông tin KH&CN Malaysia (MASTIC) thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Thông tin Malaysia (MOSTI) phối hợp với nhiều cơ quan khác như Bộ Giáo dục, Bộ Nội thương, Hội người tiêu dùng và Ngân hàng Nagera Malaysia,... tổ chức triển khai theo cẩm nang hướng dẫn OSLO của OECD, từ năm 1994-2015, Malaysia đã có 7 cuộc điều tra về đổi mới công nghệ, trung bình khoảng 2-3 năm một lần. Khu vực doanh nghiệp điều tra: doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Cuộc điều tra đổi mới gần nhất của Malaysia là năm 2015 với kết quả doanh nghiệp đổi mới là 72% và không đổi mới là 28%, cao hơn năm 2012 là 70% đổi mới và 30% không đổi mới. Số lượng doanh nghiệp và kết quả điều tra đổi mới của doanh nghiệp Malaysia được thể hiện trong Bảng 4 bên dưới.

**Bảng 4.** Kết quả đổi mới của doanh nghiệp Malaysia năm 2012 và 2015

Công ty	Năm 2012		Năm 2015	
	Số công ty	Tỷ lệ (%)	Số công ty	Tỷ lệ (%)
Đổi mới	1.178	70,0	1.213	72,0
Không đổi mới	504	30,0	472	28,0
<b>Tổng</b>	<b>1.682</b>	<b>100</b>	<b>1.685</b>	<b>100</b>

Nguồn: National Survey of Innovation 2015

(3) *Hoạt động đổi mới tại Trung Quốc*: hoạt động đổi mới diễn ra rất sôi nổi do có sự cạnh tranh của các doanh nghiệp bên trong và bên ngoài Trung Quốc, dựa vào kết quả phỏng vấn các doanh nghiệp đa quốc gia đang hoạt động tại Trung Quốc, tại báo cáo điều tra đổi mới ở Trung Quốc năm 2014 (*China Innovation survey 2014*) cho thấy, từ năm 2012-2014, hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp Trung Quốc tăng khá nhanh từ 47-65% như minh họa chi tiết ở Hình 1.



Nguồn: Báo cáo “China Innovation Survey 2014”

**Hình 1.** Hoạt động đổi mới của doanh nghiệp Trung Quốc từ năm 2012-2014

### 3.2. Hoạt động đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam

Trong những năm vừa qua, ở Việt Nam có một số các cuộc điều tra liên quan đến hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp, tuy nhiên, trong bài viết này đề cập đến cuộc điều tra với quy mô mẫu doanh nghiệp lớn, trong nhiều ngành kinh tế, trên phạm vi nhiều địa phương và với chu kỳ điều tra từ 3 năm trở lên, ví dụ: cuộc điều tra với 8.000 doanh nghiệp trong 5 năm liền 2010-2014 của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và cuộc điều tra mẫu 821 doanh nghiệp trong Đề án cấp Quốc gia của Bộ KH&CN, trên cơ sở cầm nang hướng dẫn OSLO của OECD.

(1) Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Tổng cục Thống kê (GSO) và Trường Đại học Copenhagen, Đan Mạch (UoC) phối hợp triển khai dự án “Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam”. Báo cáo của dự án là sự tổng hợp các phát hiện từ 5 cuộc điều tra “Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2014” phản ánh cụ thể nhiều khía cạnh của môi trường kinh doanh tại Việt Nam, trong đó, những nội dung liên quan đến đánh giá đổi mới công nghệ như: năng lực công nghệ của doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ, cải tiến - điều chỉnh công nghệ, lan tỏa công nghệ. Trong báo cáo cũng cho biết hoạt động nghiên cứu, đổi mới, cải tiến công nghệ của doanh nghiệp chiếm từ 6,4-11% (Vũ Văn Hưng, 2015), trong đó, mới với thị trường là 50-55%, mới với doanh nghiệp là 40-45%. Tỷ lệ đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam là dưới 0,5% doanh thu<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2014, ở Việt Nam điều tra tại 7.450 doanh nghiệp

(2) Kết quả điều tra đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp thuộc Đề tài cấp Quốc gia của Bộ KH&CN với nội dung nghiên cứu là phương pháp luận và điều tra, đánh giá hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp theo cảm nang hướng dẫn OSLO của OECD với phương án điều tra như sau:

- Chọn mẫu điều tra: 1.000 doanh nghiệp;
- Quy mô doanh nghiệp: lớn, nhỏ và vừa;
- Loại hình doanh nghiệp: nhà nước, tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài;
- Địa điểm điều tra: 05 thành phố và 01 tỉnh trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và tỉnh Quảng Ninh;
- Ngành kinh tế điều tra: 08 ngành chế biến, chế tạo theo mã cấp 2 của Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam VSIC (*Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg*);
- Số liệu doanh nghiệp điều tra: 3 năm 2013-2015;
- Thời gian thực hiện điều tra: từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2016.

Trên cơ sở lựa chọn 1.000 mẫu doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu đã thu thập được phiếu của 821 doanh nghiệp đạt 82,1%, trong đó có 138 doanh nghiệp lớn (chiếm 16,8% tổng số doanh nghiệp), các doanh nghiệp này được dải đều ở cả 06 địa phương điều tra; thành phố Hồ Chí Minh có 54 doanh nghiệp lớn, chiếm 23% doanh nghiệp lớn trong số các địa phương điều tra. Bảng 5 bên dưới cho biết số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp lớn điều tra phân theo 06 địa phương.

**Bảng 5.** Số lượng và tỷ lệ doanh nghiệp lớn phân theo 06 địa phương

TT	Tỉnh, thành phố	Tổng số DN	Số DN lớn	Tỷ lệ (%)
1	Thành phố Hồ Chí Minh	231	54	23,4
2	Cần Thơ	98	9	9,2
3	Hà Nội	198	40	20,6
4	Hải Phòng	100	19	19,0
5	Đà Nẵng	92	8	8,7
6	Quảng Ninh	102	8	7,8

Trong số 821 doanh nghiệp điều tra được phân ra theo 08 ngành kinh tế, ngành có nhiều doanh nghiệp nhất là sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn



(mã C25) có 243 doanh nghiệp và ngành có ít doanh nghiệp nhất là sản xuất kim loại (mã C24) chỉ có 42 doanh nghiệp. Bảng 6 bên dưới cho biết số lượng doanh nghiệp điều tra phân theo 08 ngành.

**Bảng 6.** Số lượng doanh nghiệp điều tra phân theo 8 ngành

TT	Mã	Tên ngành	Số lượng
1	C10	Sản xuất chế biến thực phẩm	193
2	C24	Sản xuất kim loại	42
3	C25	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	243
4	C26	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và SP quang học	52
5	C27	Sản xuất thiết bị điện	81
6	C28	Sản xuất xe có động cơ	55
7	C29	Sản xuất máy móc, thiết bị	110
8	C30	Sản xuất phương tiện vận tải khác	45

Từ kết quả điều tra 821 doanh nghiệp cho thấy, trong tất cả các ngành và các địa phương điều tra đều có doanh nghiệp hoạt động đổi mới, trong giai đoạn 2013-2015, tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới là 17,24% - 21,01%. Bảng 7 bên dưới cho biết tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đổi mới trong giai đoạn 2013-2015 và tăng trưởng trung bình hoạt động đổi mới của doanh nghiệp trong giai đoạn 2013-2015 là 10,39%.

**Bảng 7.** Tỷ lệ tăng trưởng doanh nghiệp đổi mới trong giai đoạn 2013-2015

TT	Năm điều tra	Tỷ lệ đổi mới (%)
1	2013	17,24
2	2014	18,95
3	2015	21,01

#### 4. Giải pháp nâng cao hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp

Trên cơ sở nghiên cứu các hoạt động đổi mới của một số quốc gia trên thế giới theo số liệu của Viện Thống kê của Tổ chức Văn hóa, Giáo dục và Khoa học của Liên Hợp quốc (UIS), kết quả các cuộc điều tra của Malaysia, Trung Quốc và một số kết quả nghiên cứu, điều tra thực tế hoạt động đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn vừa qua cho thấy: đối với các quốc gia có mức thu nhập trung bình và thấp thì hoạt động đổi mới của doanh nghiệp đạt trung bình khoảng 43,8%, thậm chí có những

quốc gia đạt 59-80% như: Cu Ba: 83,8%; Salvado: 82,7%; Nga: 74,5%; Mexico: 69%; Tanzania: 64,3%; Kenya: 62,4%; Nigeria: 61%; Indonesia: 59,3%; Malaysia: 72%; Trung Quốc: 65%;... Trong khi đó, hoạt động đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam chỉ đạt từ 17,24% - 21,01% nhỏ hơn  $\frac{1}{2}$  so với trung bình quốc gia có thu nhập trung bình và thấp trên thế giới, rõ ràng đây là một khoảng cách cần cải thiện trong thời gian tới, khi Việt Nam đã hội nhập vào nền kinh tế quốc tế. Để làm được điều này, cần có một số giải pháp chủ yếu từ phía cơ quan quản lý KH&CN như sau:

- *Một là*, Triển khai chính sách ưu đãi thuế, tín dụng cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới; huy động nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp thực hiện đổi mới, đặc biệt là tháo gỡ khó khăn, hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp khai thác các nguồn từ quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp (*Điều 17, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008*);
- *Hai là*, Tăng cường thị trường KH&CN, phát triển cơ sở dữ liệu nguồn cung, thúc đẩy thông tin nguồn cầu và đặc biệt là phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN bao gồm các tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá và giám định công nghệ,... vì đây chính là các tổ chức có vai trò kết nối giữa bên cung và bên cầu công nghệ, hay nói một cách khác đây chính là biện pháp tăng cường hoạt động liên kết giữa khu vực đại học với doanh nghiệp;
- *Ba là*, Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ hoạt động liên kết giữa tổ chức KH&CN sở hữu kết quả KH&CN, sở hữu nguồn cung công nghệ với các doanh nghiệp, tổ chức ứng dụng, chuyên giao công nghệ góp phần tăng cường thương mại hóa các kết quả nghiên cứu;
- *Bốn là*, Tăng cường hiệu quả tác động lan tỏa công nghệ trong chuyển giao công nghệ từ FDI, thông qua cơ chế liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và các nhà cung cấp địa phương, các doanh nghiệp hỗ trợ của Việt Nam;
- *Năm là*, Ưu tiên, khuyến khích các dự án của doanh nghiệp thực hiện đổi mới tham gia vào các quỹ, chương trình, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới với các quy mô khác nhau; đặc biệt là dự án có mục tiêu phát triển chuỗi sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao, theo ngành, lĩnh vực tạo tính lan tỏa để phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực, đặc thù;
- *Sáu là*, Ưu tiên các dự án mà doanh nghiệp chủ trì áp dụng kết quả nghiên cứu KH&CN; các dự án nhập khẩu, giải mã làm chủ công nghệ,

đặc biệt là các công nghệ cao, công nghệ ưu tiên trong phát triển các sản phẩm quốc gia, ngành, địa phương, để nhanh chóng rút ngắn trình độ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp trong khu vực và thế giới, đây chính là giải pháp tăng cường năng lực cạnh tranh và hội nhập của doanh nghiệp Việt Nam;

- *Bảy là*, Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp đổi mới đồng bộ từ trung ương đến địa phương, có cơ chế phối hợp với các Bộ, ngành để tổng hợp, đánh giá, phân loại hoạt động đổi mới của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực và địa phương thường xuyên, từ đó có thể lựa chọn, đánh giá, khuyến khích, truyền thông, tôn vinh doanh nghiệp thực hiện đổi mới tiêu biểu có đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội;
- *Tám là*, Đào tạo, tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, cập nhật thường xuyên các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, các kiến thức, kỹ năng về hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp như: quản trị đổi mới trong doanh nghiệp; tư duy tiếp cận các hoạt động đổi mới, dự án đổi mới trong doanh nghiệp; đa dạng hóa các hoạt động đổi mới trong doanh nghiệp; khai thác cơ sở dữ liệu về công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn-chất lượng, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ở trong nước và nước ngoài./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3 ngày 03/6/2008.
2. Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.
3. Vũ Văn Hưng, 2015. “Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam: kết quả điều tra năm 2010-2014”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam online*, xem 21/05/2015, <<http://khoa hoc va cong nghe viet nam.com.vn/khcn-trung-uong/8763-nang-luc-can-h-tranh-va-cong-nghe-o-cap-do-doanh-nghiep-tai-viet-nam-ket-qua-dieu-tra-2010-2014.html>>
4. Phạm Thế Dũng, 2015. “Điều tra đổi mới công nghệ, kinh nghiệm quốc tế và định hướng áp dụng cho Việt Nam”, *Tạp chí Công thương, Ấn phẩm Khoa học và công nghệ*, số 22/2015, tr. 26-28.
5. Phạm Thế Dũng, 2015. “Chỉ số đổi mới công nghệ: Kinh nghiệm quốc tế và định hướng áp dụng cho Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên san Nghiên cứu chính sách và quản lý*, tập 31/số 2/2015, tr. 20-25.

6. Phạm Thế Dũng, 2016. Tổ chức và hoạt động chuyển giao công nghệ, Kinh nghiệm của Australia và đề xuất cho Việt Nam, “*Hoạt động chuyển giao công nghệ quốc tế - Bài học chuyển giao công nghệ cho Việt Nam*”. Hà Nội, Nxb Thế giới.
7. Phạm Thế Dũng, 2017. *Nghiên cứu xây dựng phương pháp luận điều tra, đánh giá đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp*. Báo cáo kết quả nhiệm vụ cấp Quốc gia.
8. Phạm Thế Dũng, Nguyễn Đình Đức, 2017. “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên san Nghiên cứu chính sách và quản lý*, tập 33, số 4/2017, tr. 50-55.
9. Tổng hợp từ các báo cáo The Global innovationindex\_2013-2017

#### **Tiếng Anh**

10. OECD, 2005. *Oslo Manual - Guidelines for Collecting and Interpreting Innovation Data*. Paris, Organization for Economic Co-operation and Development.
11. China Innovation survey 2012-2014, <[https://www.strategyand.pwc.com/media/file/Strategyand\\_2014-China-Innovation-Survey.pdf](https://www.strategyand.pwc.com/media/file/Strategyand_2014-China-Innovation-Survey.pdf)>.
12. UNESCO Institute for Statistics, 2017. *Summary Report of the 2015 UIS Innovation Data Collection*, <<http://uis.unesco.org/sites/default/files/documents/ip37-summary-report-of-the-2015-uis-innovation-data-collection-2017-en.pdf>>
13. Benoi Godin, 2000. *Outline for history of science measurement*. Project on the History and Sociology of S&T Statistics, <[http://www.csiic.ca/PDF/Godin\\_1.pdf](http://www.csiic.ca/PDF/Godin_1.pdf)>